

HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

NGUYỄN THỊ LY*

Tìm hiểu hoạt động khai thác, sử dụng tài liệu tại các trung tâm lưu trữ có ý nghĩa thiết thực đối với ngành lưu trữ và xã hội. Đây là một khía cạnh rất quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành lưu trữ nói chung và các trung tâm lưu trữ nói riêng đối với cộng đồng. Bài viết khảo lược hoạt động khai thác tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, đề xuất giải pháp để hoạt động khai thác, sử dụng nguồn sử liệu này ngày càng hiệu quả hơn.

Từ khóa: phát huy giá trị, tài liệu lưu trữ, khai thác sử dụng, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II

Nhận bài ngày: 1/3/2021; đưa vào biên tập: 15/3/2021; phản biện: 6/4/2021; duyệt đăng: 3/6/2021

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tài liệu lưu trữ là di sản văn hóa, là tài sản đặc biệt của quốc gia. Tài liệu lưu trữ chứa đựng những thông tin phong phú có độ tin cậy cao; phản ánh một cách toàn diện, trung thực mọi mặt của đời sống xã hội, có ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tuy vậy, tài liệu lưu trữ không thể phát huy được ý nghĩa to lớn, quan trọng nếu không tiến hành

khâu lưu thông thông tin, đưa những thông tin vô giá chứa đựng trong tài liệu ra phục vụ đời sống xã hội.

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II là một trong bốn trung tâm lưu trữ trực thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước có chức năng trực tiếp quản lý và thực hiện hoạt động lưu trữ đối với tài liệu lưu trữ thuộc các chính quyền khác nhau trong các giai đoạn lịch sử của Nam Bộ. Trung tâm đã đạt được những kết quả quan trọng trong hoạt động tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ; đưa tài liệu lưu trữ phục vụ cho các hoạt động thực tiễn trên các lĩnh vực

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

chính trị, kinh tế, khoa học và các yêu cầu chính đáng của xã hội. Kết quả công tác tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu của Trung tâm trong thời gian qua đã góp phần thành công cho nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử dân tộc, lịch sử vùng đất Nam Bộ nói chung và từng địa phương ở Nam Bộ nói riêng. Vì vậy, nghiên cứu về hoạt động khai thác sử dụng tài liệu nhằm góp phần phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, nâng cao vai trò của ngành lưu trữ trong xã hội.

Cho đến nay có nhiều nghiên cứu về hoạt động khai thác sử dụng tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II đã được công bố, như: *Tuyển tập các đề tài về khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II - tập 1, 2* của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II; các luận văn: *Công bố tài liệu lưu trữ thời kỳ Việt Nam Cộng hòa (1955-1975) tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II* của Nguyễn Duy Vĩnh, *Nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II* của Lê Thị Vị, *Quản lý nhà nước về khai thác sử dụng tài liệu của các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia* của Phạm Ngọc Hưng; các bài viết đăng trong Kỷ yếu hội thảo *Công bố, giới thiệu tài liệu lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ quốc gia, thực trạng và giải pháp*, của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (tháng 10/2013), như: *Công tác trung bày, triển lãm tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II* của Hà Kim Phương, *Công tác biên soạn, xuất bản, công bố tài liệu lưu trữ tại*

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II - Thực trạng và giải pháp của Nguyễn Thị Thiêm... Trong phạm vi bài viết này, trên cơ sở nghiên cứu qua số liệu thống kê từ năm 1976 đến năm 2018 đến nay, chúng tôi khái quát bức tranh về tình hình hoạt động khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II nay, trên cơ sở đó gợi mở nghiên cứu tiếp theo về giải pháp nhằm làm tốt hoạt động khai thác sử dụng tài liệu của Trung tâm.

2. ĐÔI NÉT VỀ TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II là tổ chức sự nghiệp thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, có chức năng trực tiếp quản lý và thực hiện hoạt động lưu trữ đối với tài liệu có nội dung phản ánh lịch sử vùng đất Nam Bộ, bao gồm *Sổ bộ Hán Nôm Nam Bộ*; tài liệu thời kỳ Pháp thuộc xứ Nam Kỳ; tài liệu của chính quyền thân Pháp có trụ sở ở Nam Việt (Nam phần) từ năm 1946 đến năm 1954; tài liệu thời kỳ Việt Nam Cộng hòa; tài liệu của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và các tổ chức khác thuộc chính quyền cách mạng từ năm 1975 trở về trước với 156 phòng và sưu tập tài liệu lưu trữ với hơn 14.000 mét giá tài liệu.

Nguồn tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II cung cấp những bằng chứng về chủ quyền lãnh thổ của quốc gia; giải quyết các vấn đề tranh chấp, xung đột về biên giới, lãnh thổ, những thông tin cần thiết, đáng tin cậy đối với việc nghiên cứu, tổng kết,

đúc rút kinh nghiệm công tác, vạch ra chủ trương, đường lối, chính sách và đề ra các quyết định quản lý, tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống dân tộc, tố cáo âm mưu tội ác của đế quốc thực dân và hành vi bán nước của các thế lực thù địch.

Tài liệu lưu trữ còn là nguồn sử liệu cơ bản, chủ yếu và quan trọng để nghiên cứu về quá trình khẩn hoang lập làng ở vùng Nam Bộ thời nhà Nguyễn (1802-1945); về quá trình thực dân, đế quốc xâm lược và đô hộ vùng đất phía Nam; về cuộc kháng chiến thần kỳ của nhân dân Nam Bộ, của dân tộc Việt Nam chống ngoại xâm; về quá trình phát triển của vùng đất Nam Bộ ở thế kỷ XIX, XX và những giai đoạn về sau.

Các nhà nghiên cứu về kinh tế có thể tìm thấy trong kho tàng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II nhiều cứ liệu quan trọng để xây dựng các luận điểm khoa học cho đề tài nghiên cứu của mình, như trong đề tài nghiên cứu về công trình thủy điện Trị An, về Đồng bằng sông Cửu Long, khôi phục đường sắt thống nhất Bắc - Nam, hệ thống sân bay, cầu cảng... Các nhà lãnh đạo các cấp tham khảo tài liệu lưu trữ để làm cơ sở trong việc hoạch định chính sách kinh tế của cả nước cũng như của từng địa phương cho các chặng đường phát triển.

Bên cạnh khối tài liệu bằng văn bản, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II còn quản lý khối lượng đáng kể tài liệu khoa học kỹ thuật là bản vẽ kỹ thuật

của Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu, Dự án cầu Mỹ Thuận, Khu quản lý đường bộ VII, đường ô tô cao tốc TPHCM... Các tài liệu này không chỉ có ý nghĩa về lịch sử mà còn có ý nghĩa thực tiễn. Thời gian qua, từ tài liệu lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II đã giúp nhiều địa phương tiết kiệm được công sức, tiền của trong xây dựng các đề án kinh tế kỹ thuật; đề án bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Bên cạnh đó, ngoài danh sách tù nhân tại các nhà tù ở miền Nam (ở các nhà tù Côn Đảo, Phú Quốc, Thủ Đức...) vừa là nguồn sử liệu vừa là thông tin đáng tin cậy giúp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các địa phương có thêm cơ sở giải quyết chế độ, chính sách cho những người có công, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II còn quản lý tài liệu thuộc các lĩnh vực khoa học, văn học, nghệ thuật của Nguyễn Khải, Bảo Định Giang, Nguyễn Văn Tý, Xuân Hồng, Thái Văn Trùng, Trần Văn Khê...

Với những giá trị khoa học và thực tiễn, nguồn sử liệu này cần được tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả nhằm phục vụ tốt nhất cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3. HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

Trong giai đoạn từ 1976-1986, Kho Lưu trữ Trung ương II đã “phục vụ được 11.596 lượt người nghiên cứu với hơn 19.000 hồ sơ tài liệu cho rất nhiều đề tài nghiên cứu của nhiều cơ

quan, cá nhân trong nước và nước ngoài” (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, hồ sơ 18: 12).

Trong giai đoạn 1986-1996, hoạt động khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại Kho Lưu trữ Trung ương II đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Khối lượng tài liệu lưu trữ được đọc giả khai thác tăng lên đáng kể với 9.000 lượt đọc giả (80 đọc giả người nước ngoài) khai thác 24.000 hồ sơ, đơn vị tài liệu; hơn 40.000 trang bản sao (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, hồ sơ

116: 9). Theo kết quả thống kê “Từ năm 1976-1996, kho Lưu trữ Trung ương II đã tiếp và phục vụ hơn 20.000 lượt đọc giả với 1.982 đề tài nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực, đưa ra phục vụ được 43.000 đơn vị bảo quản, cấp 94.066 trang A4 bản sao tài liệu, 561 Giấy chứng nhận lưu trữ” (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, hồ sơ 116: 12).

Trong giai đoạn 1997-2018, tình hình khai thác sử dụng tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II⁽²⁾ được thể hiện thông qua bảng thống kê sau đây:

Bảng thống kê số liệu tình hình khai thác sử dụng tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II giai đoạn 1997-2018

Năm	Số lượt đọc giả			Số lượng hồ sơ phục vụ	Tổng số đề tài nghiên cứu
	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài		
1997	144	133	11	1.952	15
1998	180	164	16	2.562	72
1999	178	171	7	1.503	178
2000	216	197	19	2.809	193
2001	1.207	1.001	206	2.234	321
2002	1.670	1.254	416	4.856	163
2003	1.218	823	395	5.316	162
2004	927	621	306	3.671	144
2005	1.315	850	465	4.160	149
2006	1.780	1.202	578	3.489	129
2007	1.413	689	715	4.712	178
2008	1.285	584	701	5.345	171
2009	1.432	832	600	5.095	158
2010	1.370	1.112	258	7.029	172
2011	3.073	2.288	875	8.444	217
2012	2.270	1.593	677	10.793	216
2013	2.269	1.566	703	8.313	173
2014	3.014	1.919	1.095	7.407	148
2015	2.330	1.506	824	6.729	155

2016	2835	2177	658	8283	294
2017	2357	1637	720	6295	229
2018	2702	2411	291	7324	238
Tổng	35.185	24.730	10.536	118.321	3875

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo Tổng kết hoạt động tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II từ 1997-2018.

Thống kê trên cho thấy: từ 1997 đến 2018, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II đã phục vụ 35.185 lượt độc giả đến khai thác tài liệu, trong đó có 24.730 độc giả trong nước (chiếm 71%) và 10.536 lượt độc giả nước ngoài (chiếm 29%); phục vụ 118.321 lượt hồ sơ với 3.875 các thể loại đề tài nghiên cứu.

Như vậy, trong giai đoạn 1997-2018, “trung bình mỗi năm Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II phục vụ 1.485 lượt độc giả đến khai thác tài liệu để thực hiện cho các nhu cầu nghiên cứu khác nhau” (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, hồ sơ 35: 9). Tài liệu được độc giả khai thác chủ yếu về chính trị, kinh tế, báo chí, giáo dục, văn hóa, kiến trúc, ngoại giao, lưu trữ, quân sự, tuy nhiên số lượng độc giả chưa tương xứng với tiềm năng giá trị của khối tư liệu lưu trữ này⁽³⁾. Tình trạng này phát sinh từ nhiều lý do khác nhau, trong đó có thể kể đến những vấn đề nổi bật như:

Thứ nhất, các quy định, hướng dẫn cụ thể nghiệp vụ công bố như nguyên tắc, phương pháp, thẩm quyền, hình thức, thủ tục công bố tài liệu lưu trữ nói chung còn chưa đầy đủ. Các nghiệp vụ khác liên quan đến những quy định như về giải mật tài liệu, quy trình giải

mật tài liệu, mức độ được phép tiếp cận tài liệu khi nghiên cứu... chưa được xây dựng một cách khoa học, cụ thể. Việc thiếu những văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động công bố, giới thiệu tài liệu và các nghiệp vụ có liên quan đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp cận và khai thác tài liệu lưu trữ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

Thứ hai, hoạt động tìm kiếm và khai thác dữ liệu về tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II vẫn còn gặp nhiều trở ngại. Trong số các phong tài liệu đã chỉnh lý việc biên mục các văn bản chưa đầy đủ, gây khó khăn trong việc quản lý và tra tìm tài liệu. Những thiếu sót này gây mất thời gian cho các nhà nghiên cứu khi muốn tìm kiếm những tư liệu phản ánh những lĩnh vực mà họ cần nghiên cứu thông qua nguồn tài liệu này.

Thứ ba, hoạt động số hóa dữ liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II đã triển khai nhưng còn khá hạn chế. Tư liệu được số hóa và lưu trữ điện tử chiếm khoảng 7% tổng số tài liệu đang quản lý tại Trung tâm. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II đã xây dựng được hệ thống công cụ tìm kiếm tài liệu

bằng phần mềm quản lý và tra tìm hồ sơ tài liệu (cơ sở dữ liệu trên trang mạng nội bộ của Trung tâm). Tuy nhiên, phần mềm quản lý và tra tìm tài liệu tại Trung tâm chưa có chức năng tìm kiếm thông minh, chủ yếu quản lý tài liệu được xây dựng ở dạng đơn lẻ mới chỉ cho phép khai thác tài liệu trong phạm vi các phong lưu trữ (hoặc sưu tập tài liệu lưu trữ) mà chưa được kết nối thành hệ thống cho phép tra cứu, xuyên chuỗi các loại hình tài liệu theo chủ đề nhất định. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm tài liệu vẫn chưa được thực hiện thông qua mạng internet, người nghiên cứu vẫn phải đến trực tiếp Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II để tiến hành tra cứu⁽⁵⁾. Nhìn chung, khi khai thác tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, người nghiên cứu vẫn phải thực hiện nhiều công đoạn thủ công để tìm kiếm dữ liệu.

Thứ tư, thiếu những bài viết, nghiên cứu mang tính chất giới thiệu, gợi mở các vấn đề cụ thể liên quan đến việc khai thác, sử dụng khối tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Thực trạng này dẫn đến nhiều công trình nghiên cứu mang tính tự phát chứ chưa thực sự là những nghiên cứu trên cơ sở đã được định hướng trước

thông qua nguồn tư liệu hiện có tại Trung tâm. Vì vậy, sẽ có một số nghiên cứu buộc phải dừng lại do những nguyên nhân xuất phát từ dữ liệu hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

4. KẾT LUẬN

Với hơn 14.000 mét giá tài liệu lưu trữ đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II không những lớn về khối lượng, đa dạng về thể loại mà còn hết sức phong phú về nội dung. Nguồn tài liệu này sẽ góp phần làm giàu cho Phong Lưu trữ quốc gia, là tiềm năng trong khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Từ đó, cần triển khai những giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của khối tư liệu này.

Để nâng cao chất lượng hoạt động khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II cần xây dựng và hoàn thiện các cơ sở pháp lý, cơ chế chính sách về công bố tài liệu; tiến hành tổ chức khoa học và tối ưu hóa công tác lưu trữ tài liệu; xây dựng và hoàn thiện hệ thống công cụ tra cứu tài liệu; chủ động nắm bắt nhu cầu sử dụng tài liệu của độc giả; đa dạng hóa các hình thức công bố tài liệu. □

CHÚ THÍCH

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM, trong khuôn khổ đề tài mã số T2020-16.

⁽¹⁾ Kho Lưu trữ Trung ương II được đổi thành Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II theo quyết định số 223/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

⁽²⁾ Số lượt đọc giả/năm khá cao so với các trung tâm lưu trữ quốc gia khác (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I: 725 lượt đọc giả/năm; Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: 1.053 lượt đọc giả/năm;

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV: 443,4 lượt đọc giả/năm) song chưa thực sự tương xứng với nguồn thông tin tài liệu đang lưu trữ.

⁽³⁾ Hiện Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II đang bảo quản 1.000 hồ sơ thuộc danh mục hạn chế sử dụng. Đó là hồ sơ của các sĩ quan cao cấp, linh mục, các tổ chức và đảng phái thời kỳ Việt Nam Cộng hòa.

⁽⁴⁾ Hiện nay, hoạt động tra cứu thông tin tư liệu ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II đã có thể thực hiện thông qua hình thức tra cứu điện tử. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ dừng ở mức tra cứu những thông tin sơ lược (như tên phong, tên hồ sơ, vị trí lưu trữ...) chứ chưa khai thác được các thông tin chuyên sâu (như tên loại văn bản, mục lục văn bản lưu trữ trong từng hồ sơ, trích yếu nội dung...). Do đó, người nghiên cứu phải mất nhiều thời gian và vẫn tìm theo cách thủ công.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước. 2013. *Công bố, giới thiệu tài liệu lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ quốc gia, thực trạng và giải pháp*. Kỷ yếu hội thảo tháng 10/2013. Hà Nội.
2. Hà Kim Phương. 2013. “Công tác trưng bày, triển lãm tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II” trong Kỷ yếu hội thảo *Công bố, giới thiệu tài liệu lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ quốc gia, thực trạng và giải pháp*. Hà Nội.
3. Lê Thị Vị. 2016. *Nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II*. Luận văn. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
4. Nguyễn Duy Vĩnh. 2016. *Công bố tài liệu lưu trữ thời kỳ Việt Nam Cộng hòa (1955-1975) tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II*. Luận văn. Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia TP HCM.
5. Nguyễn Thị Thiêm. 10/2013. “Công tác biên soạn, xuất bản, công bố tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II - Thực trạng và giải pháp”, trong Kỷ yếu hội thảo *Công bố, giới thiệu tài liệu lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ quốc gia, thực trạng và giải pháp*. Hà Nội.
6. Phạm Ngọc Hưng. 2013. *Quản lý nhà nước về khai thác sử dụng tài liệu của các trung tâm lưu trữ quốc gia*. Luận văn. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
7. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 1996. *Báo cáo về về tình hình khai thác sử dụng tài liệu của Kho Lưu trữ Trung ương II giai đoạn 1976-1996*. Phòng Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ 116.
8. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 2018. *Báo cáo về về tình hình khai thác sử dụng tài liệu của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II từ năm 1997 đến 2018*. Phòng Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Hồ sơ số 35.
9. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. *Báo cáo về về tình hình khai thác sử dụng tài liệu của Kho Lưu trữ Trung ương II giai đoạn 1976-1986*. Phòng Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Hồ sơ 18.
10. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 2017. *Tuyển tập các đề tài về khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II - tập 1, 2*. TP HCM.